

Bản án số: 480/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-12-2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hà Như Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Hữu Trọng
- Bà Trần Nguyệt Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 213/2022/HNST ngày 05 tháng 7 năm 2022, về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 229/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 154/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Quang N, sinh năm 1990 (Có mặt)
Địa chỉ thường trú: Đường V, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Trương Phúc D, sinh năm 1990 (Vắng mặt).
Địa chỉ thường trú: Đường H, Phường S, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Võ Thị Quang N trình bày:

Bà Võ Thị Quang N (viết tắt là bà N) và ông Trương Phúc D (viết tắt là ông D) tự nguyện kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 53/2011, quyền số 01, đăng ký ngày 16 tháng 3 năm 2011). Quá trình chung sống, bà N và ông D có 02 (hai) người con chung tên Trương Hải P (nam), sinh ngày 30

tháng 12 năm 2010 và Trương Võ Như Q (nam), sinh ngày 15 tháng 5 năm 2015; không có tài sản chung vợ chồng và không có khoản nợ chung.

Lý do bà N nộp đơn xin ly hôn với ông D là vì quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do đôi bên khác biệt cách sống, khác biệt tính tình, ông D thiếu sự quan tâm, chăm sóc vợ, con. Tình trạng này xảy ra từ năm 2015 cho đến nay mà không khắc phục được nên bà N và ông D đã sống ly thân. Thời gian sống ly thân, đôi bên ít khi liên lạc lẫn nhau, một mình bà N tự trang trải, chăm sóc, nuôi Dưỡng 02 (hai) người con chung mà không có sự hỗ trợ gì từ phía ông D. Vì mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được nên bà N đã nộp đơn ly hôn 01 lần tại Tòa án nhân dân Quận 5 vào cuối năm 2020, nhưng đến cuối năm 2021 bà N đã rút đơn ly hôn để đôi bên tự thỏa thuận giải quyết. Nay bà N xác định vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc, không còn tình cảm dành cho nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng không hàn gắn được nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông D.

Trường hợp ly hôn:

- Về con chung: Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) người con chung tên Trương Hải P (nam), sinh ngày 30 tháng 12 năm 2010 và Trương Võ Như Q (nam), sinh ngày 15 tháng 5 năm 2015, không yêu cầu ông D cấp dưỡng tiền nuôi các con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà N tự khai là bà và ông D không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn là ông Trương Phúc D được Tòa án thực hiện việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông D vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến trình bày và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.*

Tại phiên tòa: Nguyên đơn là bà Võ Thị Quang N giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Trương Phúc D. Bị đơn là ông Trương Phúc D vắng mặt, không rõ lý do nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không rõ lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Quang N đối với ông Trương Phúc D; giao 02 (hai) người con chung tên Trương Hải P (nam), sinh ngày 30 tháng 12 năm 2010 và Trương Võ Như Q (nam), sinh ngày 15 tháng 5 năm 2015 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Bà N không yêu cầu ông D cấp dưỡng tiền nuôi con chung, tự khai không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu

Tòa án giải quyết nên không xem xét. Bà N chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Võ Thị Quang N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trương Phúc D có địa chỉ cư trú tại đường H, Phường S, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, đây là vụ án về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn là ông Trương Phúc D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 (hai) lần đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt, không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Võ Thị Quang N và ông Trương Phúc D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 16 tháng 3 năm 2011, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 53/2011, quyển số 01. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông D là hợp pháp.

Bà N trình bày quá trình chung sống vợ chồng giữa bà và ông D phát sinh mâu thuẫn do đôi khác biệt cách sống, khác biệt tính tình, ông D thiếu quan tâm, chăm sóc vợ, con; mặc dù đã tự hòa giải nhiều lần nhưng đều không có kết quả nên đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Bà N đã từng nộp đơn ly hôn với ông D tại Tòa án nhân dân Quận 5 vào tháng 11 năm 2020 nhưng sau đó bà N đã tự nguyện rút đơn khởi kiện. Do nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không còn hạnh phúc nên tháng 6 năm 2022, bà N nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông D. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông D đến Tòa án để trình bày ý kiến, hòa giải quan hệ hôn nhân, tham gia phiên tòa xét xử nhưng ông D đều vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến trình bày và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà N. Tại phiên tòa, bà N xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ nên vẫn giữ yêu cầu ly hôn với ông D.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà N và ông D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của bà N xin ly hôn với ông D là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 256/2011, quyền số 02-QH, đăng ký ngày 14 tháng 6 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân Phường C, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy khai sinh số 159, quyền số 01/2015, đăng ký ngày 11 tháng 7 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện I, Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở xác định, bà N và ông D có 02 (hai) người con chung tên Trương Hải P (nam), sinh ngày 30 tháng 12 năm 2010 và Trương Võ Như Q (nam), sinh ngày 15 tháng 5 năm 2015. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các người con chung nêu trên, không yêu cầu ông D cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Xét thấy, 02 (hai) người con chung tên Trương Hải P và Trương Võ Như Q hiện đang sinh sống ổn định cùng với bà N, được bà N chăm sóc, nuôi dưỡng; do đó, căn cứ nguyện vọng được tiếp tục ở cùng với mẹ sau khi ba mẹ ly hôn của Trương Hải P và Trương Võ Như Q cũng như để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt, tránh sự xáo trộn về tình cảm và tâm lý của các con chung, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận giao 02 (hai) người con chung tên Trương Hải P và Trương Võ Như Q cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Do bà N không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về tài sản chung: Bà N tự khai là bà và ông D không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Bà N tự khai là bà và ông D không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà N chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các điều 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Quang N :

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Quang N được ly hôn với ông Trương Phúc D.

- Về con chung: Giao 02 (hai) người con chung tên Trương Hải P (nam), sinh ngày 30 tháng 12 năm 2010 và Trương Võ Như Q (nam), sinh ngày 15 tháng 5 năm 2015 cho bà Võ Thị Quang N trực tiếp nuôi dưỡng. Bà N không yêu cầu ông Trương Phúc D cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có lý do chính đáng, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được luật định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Võ Thị Quang N tự khai là bà và ông Trương Phúc D không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Bà Võ Thị Quang N tự khai là bà và ông Trương Phúc D không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) do bà Võ Thị Quang N chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0009983 ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo :

Bà Võ Thị Quang N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trương Phúc D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Quận 5;
- Chi cục THADS Quận F;
- UBND Phường C Quận E (Giấy chứng nhận kết hôn số 53/2011, quyền số 01, đăng ký ngày 16/3/2011);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hà Như Oanh